

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HS-ST

Ngày: 26/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Dung**

Bà **Vũ Thị Xuyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Lã Việt Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Mạnh T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26/10/1956, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn L, xã Hthị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: Tổ 19, khu 7, phường B, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị N (đã chết); Có vợ là Bùi Thị T (đã chết) và 03 con: lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án: Ngày 19/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 07/3/2012 chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa thi hành án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và bồi thường cho bị hại; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Uông Bí. Có mặt.

* ***Bị hại:*** Anh **Vũ Hoàng N**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Khu M, phường H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* ***Những người làm chứng:***

- Chị **Vũ Thị T**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 41, khu 11, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh **Vũ Đức T**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ 6, khu T, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2021, Lê Mạnh T thấy bài đăng trên mạng xã hội Facebook của bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh về việc cần chuyển nhượng 01 mảnh đất (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 18, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04009, có diện tích 462m²) tại thôn Y, xã H, thị xã Đông Triều với giá 1.300.000.000 đồng, kèm theo là hình ảnh mặt sau của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. T thấy mảnh đất trên có thể kinh doanh được nên lưu lại hình ảnh bìa đất vào điện thoại di động nhưng không liên hệ hay thỏa thuận gì với bà H. Cuối tháng 5 năm 2021, chị Vũ Thị T, sinh năm 1985, trú tại tổ 41, khu 11, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, là người môi giới bất động sản, hỏi T có đất bán không thì T nói có mảnh đất như trên muốn bán rồi gửi ảnh chụp bìa đất cho chị T. Chị T đã chia sẻ thông tin cho những người môi giới khác. Sau đó biết được thông tin, anh Vũ Hoàng N, sinh năm 1996, trú tại Khu M, phường H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đang có nhu cầu mua đất nên đã đến gặp T.

Do thiếu tiền tiêu cá nhân, T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh N. Thực hiện ý định đó, T dẫn chỉ vị trí mảnh đất và nói dối anh N mảnh đất trên của vợ chồng ông Vũ Công T và bà Nguyễn Thị L, trú tại Số nhà 109, phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, đang làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho T (Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, không có ai tên và địa chỉ như trên). Tin tưởng T, anh N đồng ý mua mảnh đất này với giá 1.050.000.000 đồng. Ngày 02/6/2021, tại nhà của T ở tổ 19, khu 7, phường B, thành phố Uông Bí, anh N lập hợp đồng đặt cọc và chuyển cho T số tiền 100.000.000 đồng, T hẹn đến ngày 22/6/2021 sẽ hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng và anh N sẽ thanh toán số tiền còn lại. Đến ngày 16/6/2021, T yêu cầu anh N chuyển thêm 200.000.000 đồng, anh N yêu cầu số tiền này phải tính thêm vào số tiền đặt cọc mua đất, tổng là 300.000.000 đồng, T đồng ý. Tại nhà T, anh N và T làm hợp đồng đặt cọc mới với số tiền 300.000.000 đồng, anh N đã chuyển cho T thêm 200.000.000 đồng và hủy hợp đồng đặt cọc ngày 02/6/2021.

Những ngày sau đó, anh N yêu cầu T gửi ảnh mặt trước của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng T không gửi được. Anh N tìm hiểu mới biết mảnh đất trên thuộc sở hữu của bà Đỗ Thị H, đã chuyển nhượng cho ông Bùi Trọng T, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Anh N đến nhà T yêu cầu trả tiền

thì T vẫn nói dối mình bị vợ chồng ông T lừa, thống nhất sẽ trả cho anh N 300.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền phạt cọc. Thực tế T đã tiêu hết số tiền 300.000.000 đồng chiếm đoạt của anh N. Đến ngày 02/8/2021, anh N đến trình báo Công an thành phố Uông Bí.

Cáo trạng số 34/CT-VKSUB ngày 25/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Mạnh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận với mục đích nhằm chiếm đoạt tiền của anh Vũ Hoàng N nên bị cáo đã đưa những thông tin gian dối về việc mình có một mảnh đất muốn chuyển nhượng tại thôn Y, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, anh N đã tin tưởng và chuyển cho bị cáo 300.000.000 đồng tiền đặt cọc để nhận chuyển nhượng mảnh đất trên, tuy nhiên bị cáo T đã không thực hiện việc chuyển nhượng đất như đã thỏa thuận mà tiêu hết số tiền trên. Sau khi bị Cơ quan điều tra triệu tập để làm việc, bị cáo đã bồi thường cho anh N số tiền là 90.000.000 đồng.

Bị hại anh Vũ Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn xin xử vắng mặt, anh N đề nghị bị cáo Lê Mạnh T bồi thường cho anh số tiền đã bị chiếm đoạt còn lại 210.000.000 đồng.

Những người làm chứng chị Vũ Thị T, anh Vũ Đức T, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Đỗ Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Lê Mạnh T mức án tù 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 15/11/2021.

- *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Lê Mạnh T bồi thường cho anh Vũ Hoàng N số tiền 210.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 02/6/2021 đến ngày 16/6/2021, tại tổ 19, khu 7, phường B, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Lê Mạnh T dùng thủ đoạn gian dối, rao bán đất không thuộc sở hữu của mình để chiếm đoạt của anh Vũ Hoàng N số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng).

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý, bị cáo biết mình không có quyền sử dụng đối với mảnh đất của chị Đỗ Thị H tại thôn Y, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, bản thân bị cáo cũng không liên lạc, trao đổi với chị H về việc mua bán đất nhưng đã tự lấy hình ảnh, thông tin của mảnh đất rồi rao bán trên mạng xã hội, dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng và chuyển tiền đặt cọc mua đất nhằm chiếm đoạt của bị hại số tiền 300.000.000đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

* **Tình tiết tăng nặng:** Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

* **Tình tiết giảm nhẹ:** Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 90.000.000đồng, số tiền đã bồi thường này chưa được 1/3 số tiền bị cáo chiếm đoạt là 300.000.000đồng, nên không được xem xét là tình

tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng cũng áp dụng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người cao tuổi, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại anh Vũ Hoàng N yêu cầu bị cáo Lê Mạnh T phải bồi thường số tiền 210.000.000đồng. Đây là số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại còn lại chưa bồi thường, nên yêu cầu của anh N buộc bị cáo T phải bồi thường là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, bị cáo có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Mạnh T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Mạnh T 08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 15/11/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 584, 585 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Mạnh T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Vũ Hoàng N số tiền **210.000.000đồng** (*Hai trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Mạnh T.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/4/2022; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an TP Uông Bí;
- Cơ quan THAHS Công an TP Uông Bí;
- Nhà tạm giữ Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà